

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 /4/2021.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1238/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đông Thị T, sinh năm: 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 352/1, đường Đ, Tổ 1, ấp Lô 6, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, Tổ 7, ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hồng T1, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 352/1, đường Đ, Tổ 1, ấp Lô 6, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Đông Thị T trình bày:

Tôi và ông Dương Hồng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện

C, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 18/01/2010. Trong thời gian chung sống do tính cách, cách sống và suy nghĩ không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện cả hai không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung có 02 con: Dương Thị Hương T2, sinh ngày: 05/6/2013; Dương Hồng N, sinh ngày: 01/01/2008. Tôi yêu cầu được nuôi con chung tên Dương Thị Hương T2, giao cháu Dương Hồng N cho chồng tôi nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Dương Hồng T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Đông Thị T và ông Dương Hồng T1 là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Dương Hồng T1 hiện cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với ông Dương Hồng T1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Dương Hồng T1 vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Hồng T1 theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Đông Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đông Thị T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Đông Thị T và ông Dương Hồng T1 có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 13, Quyển số: 01/2010 ngày 18/01/2010 đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ ông T1 để ông T1 thay đổi nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Bà T nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, Bà T không còn tình cảm với ông T1.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương Hồng T1 không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà T. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Dương Hồng T1 biết sự việc trên nhưng ông T1 vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông T1 muốn hàn gắn quan hệ gia đình với Bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy Bà T xin ly hôn với ông T1 là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T đối với ông T1.

[4] Về con chung có 02 con: Dương Thị Hương T2, sinh ngày: 05/6/2013; Dương Hồng N, sinh ngày: 01/01/2008. Bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Dương Thị Hương T2, giao cháu Dương Hồng N cho ông T1 nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Đông Thị T đang trực tiếp chăm sóc và sống ổn định với trẻ T2. Đồng thời tại bản tự khai của trẻ T2 thể hiện ý kiến của trẻ là nếu cha và mẹ không sống chung với nhau thì trẻ T2 xin được ở với mẹ, còn ông Dương Hồng T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N và sống ổn định với trẻ N, đồng thời trẻ N thể hiện ý kiến của trẻ là nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì trẻ N được ở với mẹ. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ T2 và trẻ N, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghị nên giao trẻ T2 cho Bà T và trẻ N cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với hai bên cho đến khi hai bên có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đông Thị T là được ly hôn với ông Dương Hồng T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 13, Quyền số: 01/2010 ngày 18/01/2010 của UBND xã A, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đông Thị T và ông Dương Hồng T1 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung có 02 con: Dương Thị Hương T2, sinh ngày: 05/6/2013; Dương Hồng N, sinh ngày: 01/01/2008.

Giao con chung tên Dương Thị Hương T2 cho bà Đông Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giao con chung tên Dương Hồng N cho ông Dương Hồng T1 nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với hai bên cho đến khi hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Đông Thị T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0084927 ngày 28/10/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã A, huyện C, Tp Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc